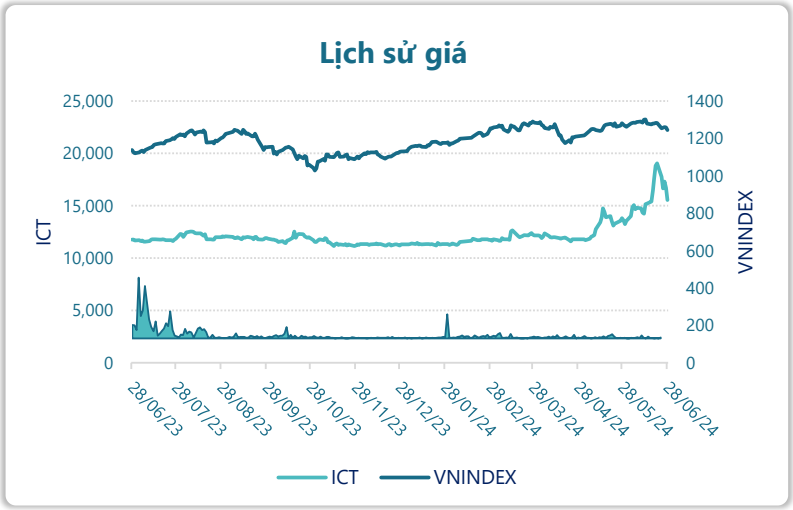
FireAnt

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện (HSX: ICT)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,550**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,150
SL cổ phiếu LH	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	315,345
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	500
P/E	15.0
EPS	1,036

DT thuần

Q2/24

689

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 589| 589%

YoY: ▲ 101| 17.2%

LN sau thuế

Q2/24

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.2| 534%

YoY: ▼5.80| -28.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.0%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

6T 2024

789

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 123| 18.5%

LN sau thuế

6T 2024

16.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.7| 1487%

ROE

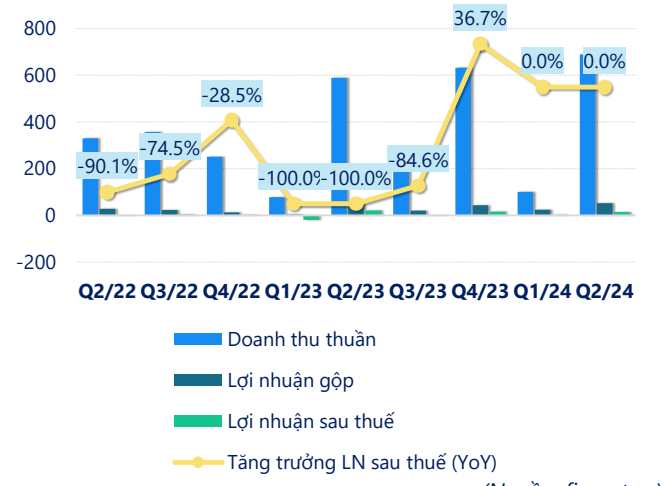
Q2/24

5.2%

+/- YoY: ▲ 4.2%

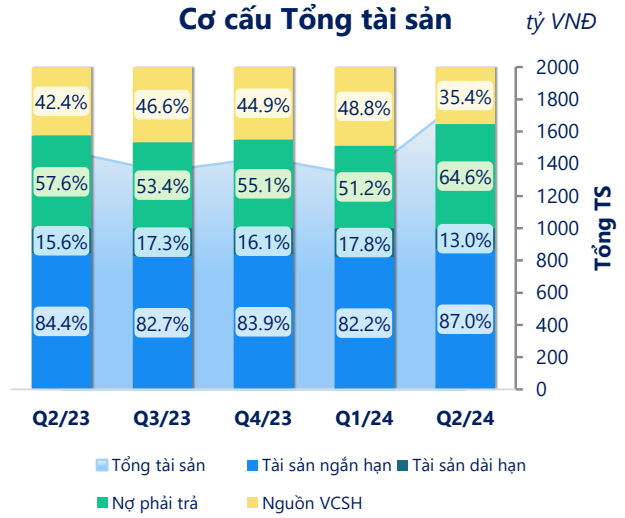
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



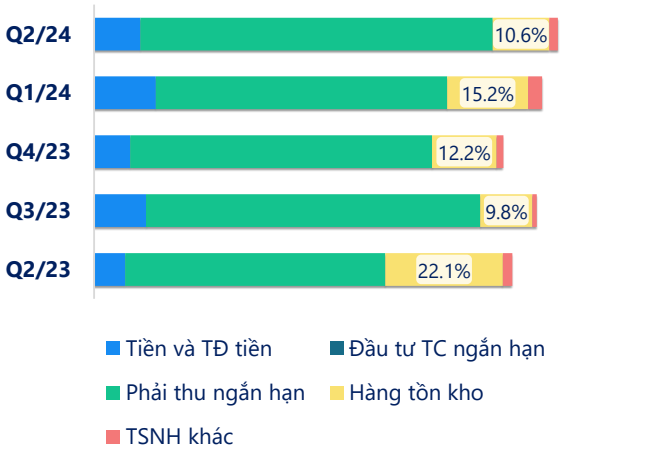
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



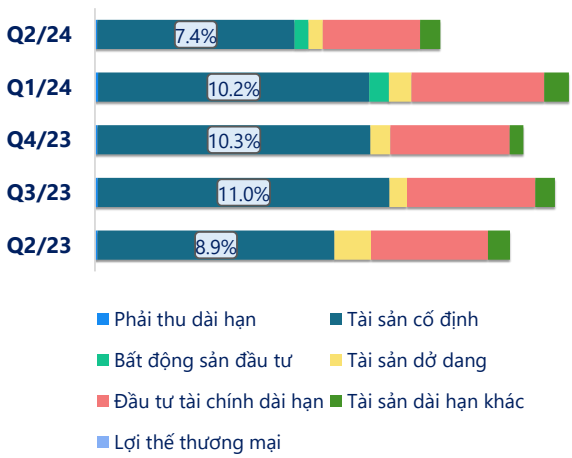
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



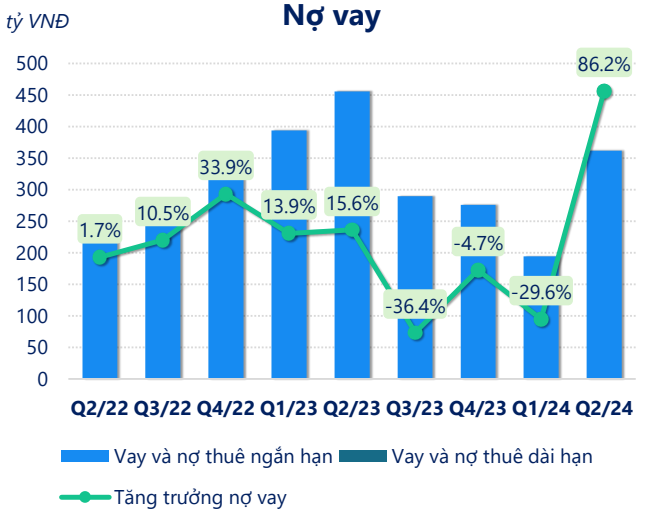
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



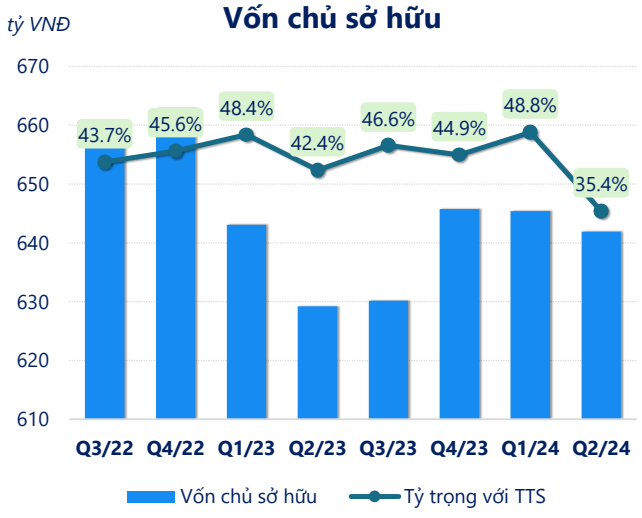
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



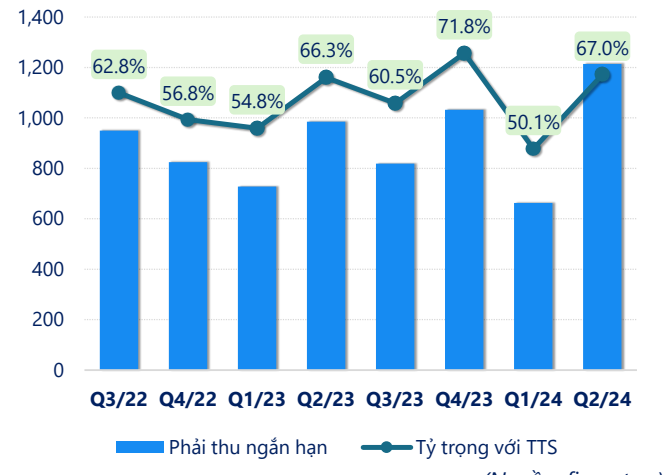
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



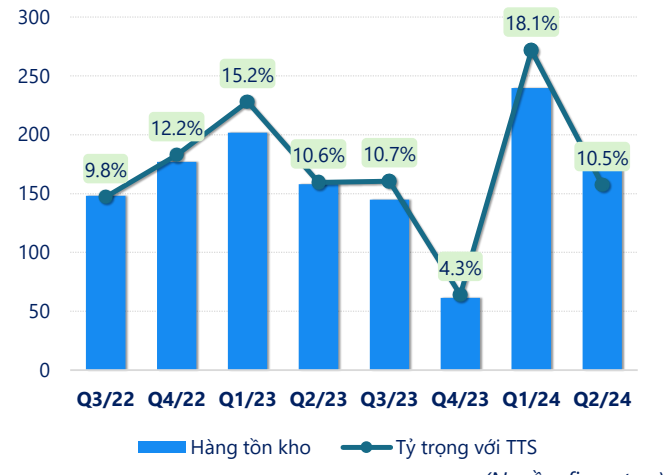
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



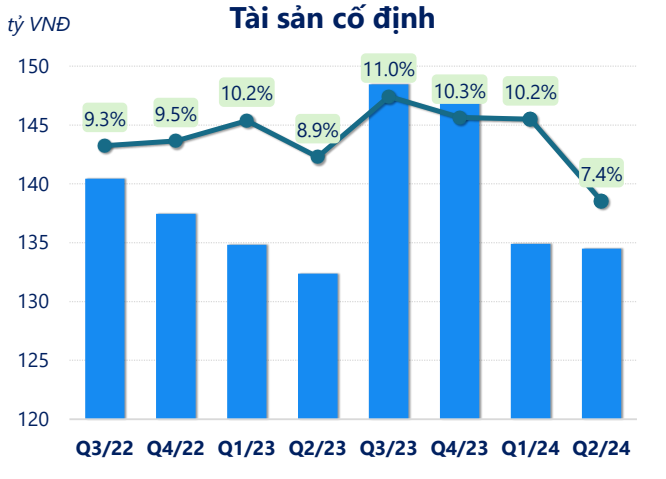
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



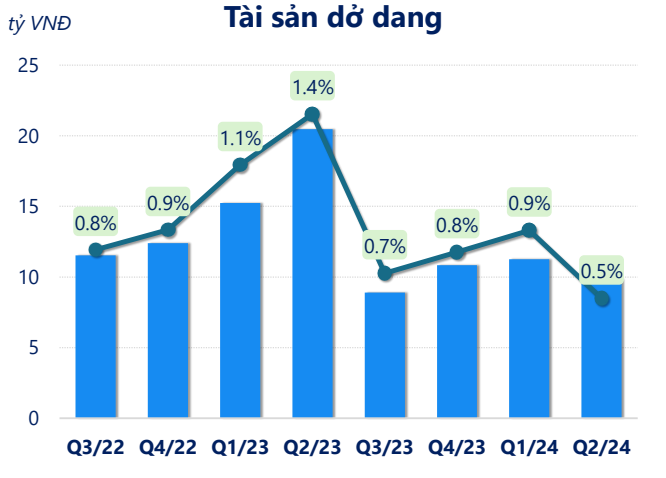
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



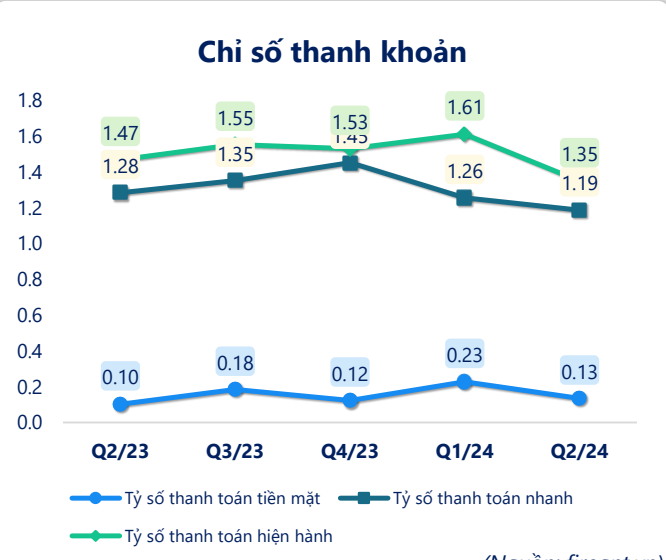
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



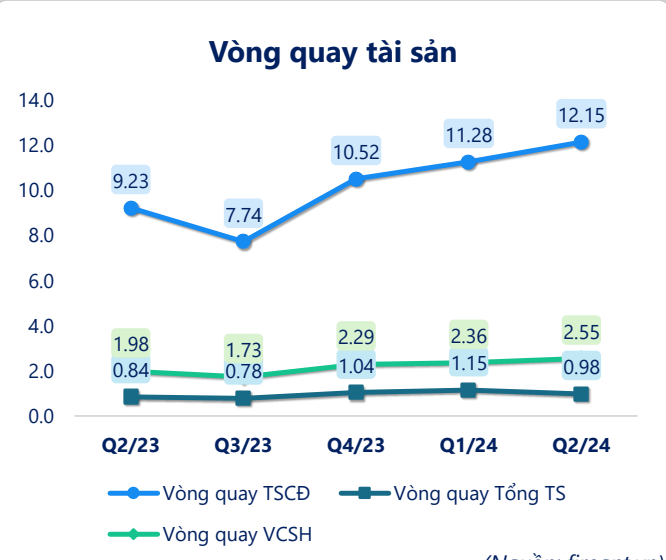
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,485**	**1,353**	**1,437**	**1,323**	**1,814**
Tài sản ngắn hạn	**1,254**	**1,119**	**1,205**	**1,087**	**1,578**
Tiền và tương đương tiền	87.1	132	97.3	154	157
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	985	818	1,032	663	1,215
Hàng tồn kho	158	145	61.4	240	190
Tài sản ngắn hạn khác	23.8	23.2	14.8	30.5	16.1
Tài sản dài hạn	**232**	**234**	**232**	**236**	**236**
Phải thu dài hạn	1.46	1.46	1.46	1.57	1.57
Tài sản cố định	132	148	147	135	134
Bất động sản đầu tư	0	0	0	9.74	9.56
Tài sản dở dang	20.5	8.90	10.8	11.3	9.85
Đầu tư tài chính dài hạn	65.3	65.3	64.6	66.1	66.4
Tài sản dài hạn khác	12.2	10.1	7.33	12.3	13.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**856**	**723**	**791**	**678**	**1,172**
Nợ ngắn hạn	**854**	**721**	**788**	**675**	**1,170**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	455	290	276	194	362
Phải trả người bán ngắn hạn	244	237	415	372	586
Nợ dài hạn	2.53	2.52	3.47	2.77	2.43
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**629**	**630**	**646**	**645**	**642**
Vốn chủ sở hữu	**629**	**630**	**646**	**645**	**642**
Vốn điều lệ	322	322	322	322	322
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)